

Số: 20/2018/QĐST-TCDS

Quảng Trách, ngày 27 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2018/TLST-TCDS ngày 10 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn:

Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Ông Lê Quốc N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hai bên thống nhất thỏa thuận: ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M còn nợ chị Phạm Thị Đ số tiền họ là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), mỗi người nợ 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), không tính lãi. Hai bên thống nhất thỏa thuận, hàng tháng ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M phải thanh toán cho chị Phạm Thị Đ số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), mỗi người thanh toán 500.000

đồng (năm trăm nghìn đồng). Thời gian thanh toán nợ kể từ tháng 10/2018 trở đi cho đến khi thanh toán hết khoản nợ 8.000.000 đồng.

“Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

- Về án phí:

Hai bên thống nhất thỏa thuận: ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M chịu toàn bộ số tiền án phí mỗi người là 150.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước. Ông N, bà M có đơn xin giảm án phí do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đơn đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Q. Vì vậy, Tòa án giảm 50% số tiền án phí cho ông N, bà M. Số tiền án phí ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M còn phải nộp mỗi người là 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho chị Phạm Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001042, ngày 08/8/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương